Hộp giấy gấp

Kế hoạch tìm nguồn cung

Khung chuẩn hóa 6 bước
dành cho người mua B2B
ngành bao bì

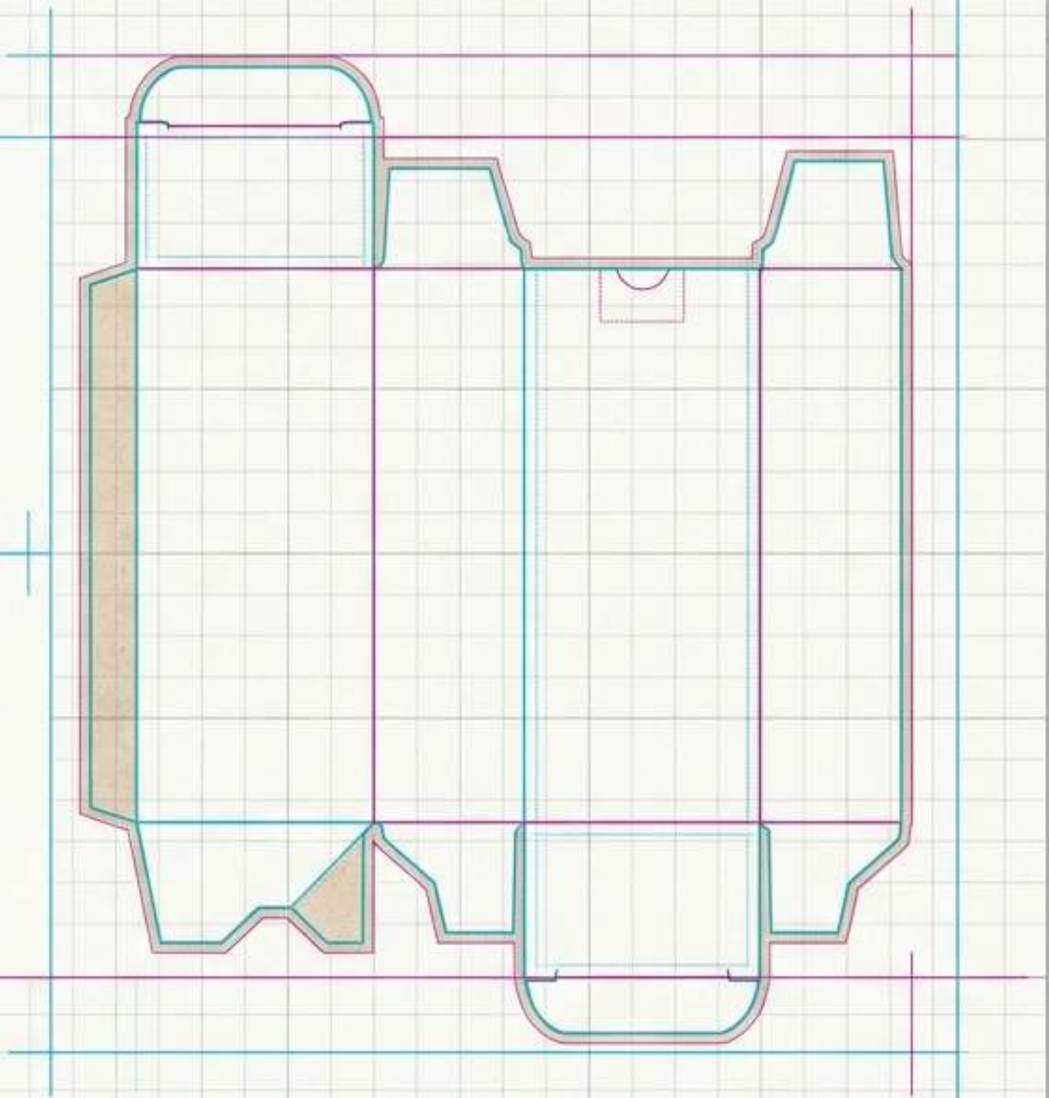

Trình bày bởi Zigpac | Thông số kỹ thuật, MOQ và kiểm soát chất lượng

ZIGPAC

Thiếu loại giấy!

Cần hộp nắp gài in 2x2x6 inch, 1000 cái.

Độ dày bao nhiêu?

Ai chịu trách nhiệm khuôn bế?

Báo giá 1: $8.95/cái

Giả định:

Lô mẫu
cán màng mờ



Báo giá 2: $0.44/cái

Giả định:

Giấy tái chế 14 pt, mặt sau xám



Báo giá 3: $1.10/cái

Giả định:

Giấy tẩy trắng 18 pt, phủ gốc nước



Hầu hết các vấn đề tìm nguồn hộp giấy bắt đầu trước khi sản xuất. Hai báo giá chỉ có thể so sánh khi chúng mô tả chính xác cùng loại giấy, kết cấu, hoàn thiện, số lượng và điều kiện giao hàng.

Sơ đồ quy trình xưởng sản xuất

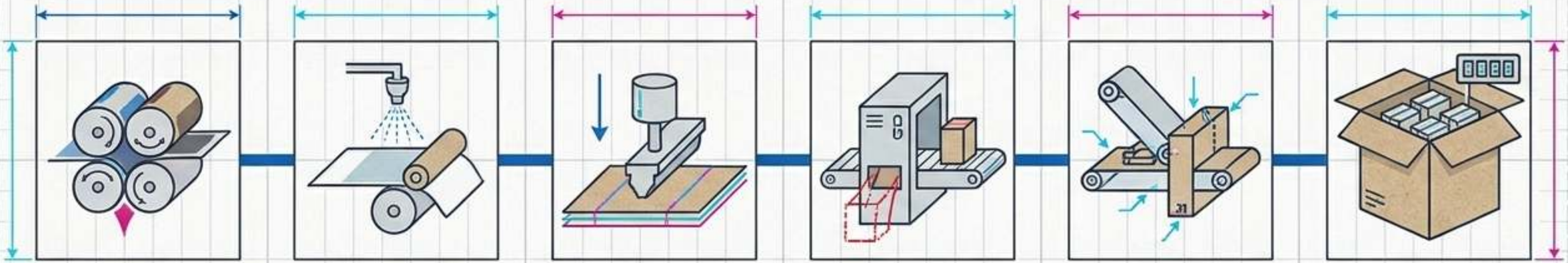

1. In ấn

2. Phủ &
Cán màng

3. Bế
& Cấn

4. Gỡ phế liệu

5. Gấp
& Dán

6. Đếm
& Đóng gói

Hộp giấy gấp sử dụng mã ECMA (ví dụ: ECMA A20.20), còn thùng carton sóng theo mã FEFCO (ví dụ: FEFCO 0713). Luôn đối chiếu kết cấu được báo giá với các tài liệu tham chiếu đã công bố này.

Khung chuẩn hóa 6 trụ cột

01 Giấy & Độ dày



Xác định chính xác vật liệu và độ dày.

02 Trách nhiệm khuôn bế

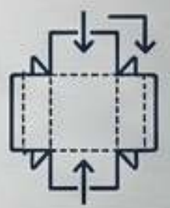

Xác nhận trách nhiệm thiết kế kết cấu.

03 Các bậc duyệt mẫu



Thiết lập trình tự phê duyệt mẫu.

04 MOQ & Phương thức in

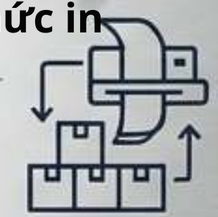

Khớp sản lượng với hiệu quả kinh tế máy in.

05 Bằng chứng QC



Yêu cầu dữ liệu kiểm tra đo lường được.

06 Chi phí đến nơi



Tách thời gian sản xuất khỏi vận chuyển.

Hãy yêu cầu mọi nhà cung cấp trả lời chính xác cùng các câu hỏi, bằng văn bản, trước khi bạn so sánh giá.

Ma trận mẫu loại giấy

Loại & Mẫu	Bề mặt & Kết cấu	Kết quả in	Xu hướng chi phí	Cần hỏi gì
 SBS (Solid Bleached Sulfate)	Sợi nguyên sinh tẩy trắng, trắng toàn bộ	Hình ảnh sắc nét nhất, màu trắng sạch nhất	Cao hơn	Độ dày tính bằng pt, phủ một mặt hay hai mặt?
 CCNB (Clay-Coated News Back)	Sợi tái chế, mặt trắng, lưng xám	Mặt trên tốt, mép lộ màu xám	Thấp hơn	% tái chế, độ cứng so với SBS?
 Kraft (SUS/CUK)	Sợi nguyên sinh màu nâu	Màu trầm, cần mực trắng	Trung bình	Có bao gồm mực trắng không?
 FBB (Folding Boxboard)	Lõi bột cơ học, cứng	Mặt trên rất tốt, lưng màu kem	Trung bình	Định lượng?
 Sóng E/F	Lớp mặt in trên sóng nhỏ	Tốt, có thể lộ vân sóng	Cao hơn mỗi đơn vị	Yêu cầu chịu nén/ xếp chồng?

Ghi chú kỹ thuật: Độ dày được tính bằng point (1 pt = 0.001 in = 0.0254 mm). 18 pt = ~0.46 mm. Không bao giờ so sánh pt với gsm nếu không quy đổi trực tiếp.

Sơ đồ trách nhiệm khuôn bế

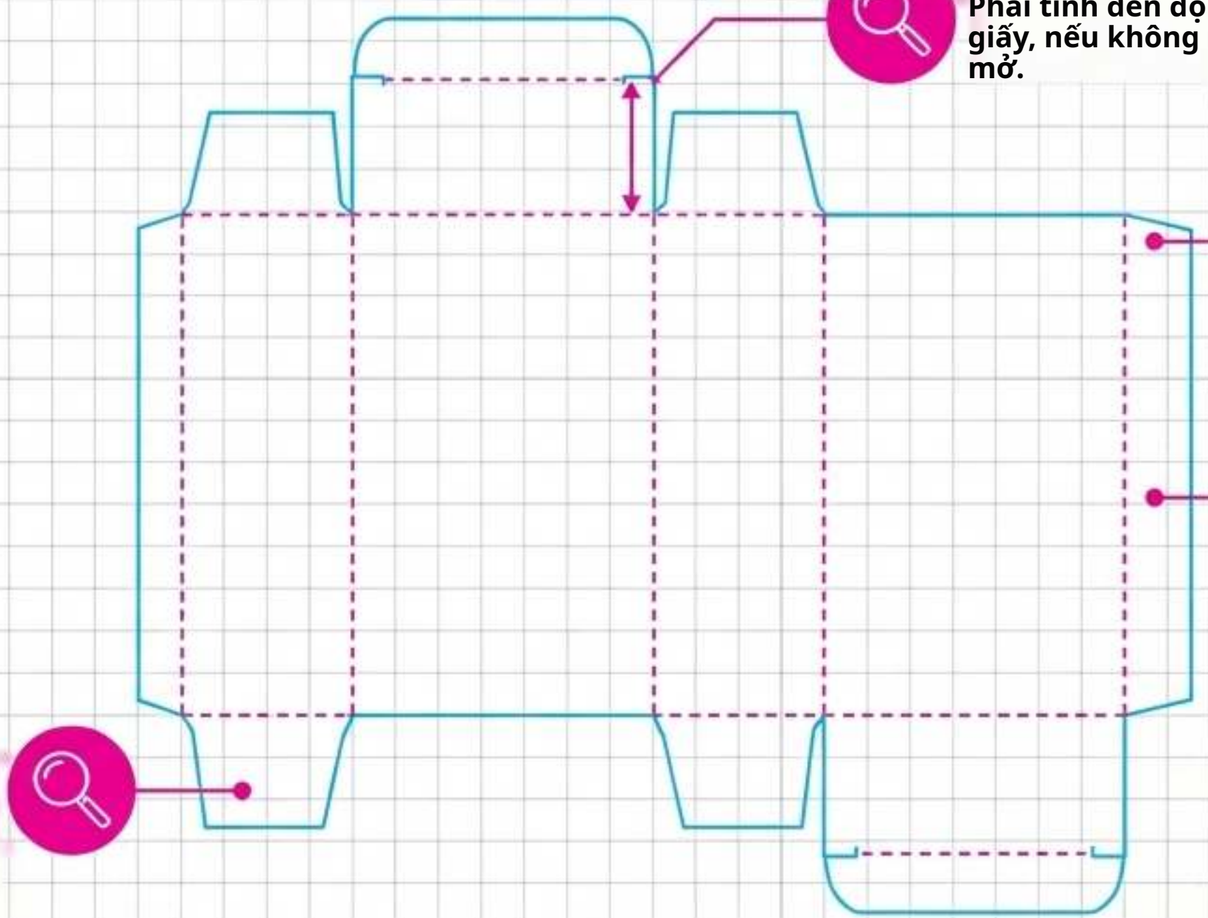

Độ sâu nắp gài
Phải tính đến độ dày giấy, nếu không nắp sẽ bật mở.

Tai dán
Chiều rộng quyết định độ bền của đường dán cạnh.

Đường cấn chính
Phải chạy song song với chiều thớ giấy
để tránh tấm bị cong và nếp gấp bị nứt.

Tai chống bụi
Cần khoảng hở chính xác để tránh va chạm bên trong.

Nguyên tắc chung:

Nhà cung cấp phải dựng khuôn bế từ kích thước bên trong và trọng lượng sản phẩm của bạn. Nếu bạn cung cấp khuôn bế chung và nó không phù hợp với độ dày giấy đã chỉ định, chi phí chỉnh sửa sẽ do bạn chịu.

ZIGPAC

Các bậc duyệt mẫu

Điểm mấu chốt:
Mẫu in giá $30 là khoản bảo hiểm rẻ so với việc in lại toàn bộ lô hộp bị lỗi.

eProof (Kỹ thuật số)

Chứng minh: Vị trí thiết kế, tràn lề, mã vạch

Chưa chứng minh: Độ vừa thực tế,
màu sắc thực tế

Mẫu kết cấu trắng

Chứng minh: Độ vừa sản phẩm, độ chặt
nắp gài, đáy khóa

Chưa chứng minh: Hoàn thiện in,
nứt nếp gấp

Mức chuẩn Zigpac: Miễn phí khi đặt hàng

Mẫu in

Chứng minh: Màu trên giấy thật,
diện mạo trên kệ

Chưa chứng minh: Độ ổn định
khi in toàn lô

Mức chuẩn Zigpac: US$5-30

Kiểm tra trên máy in (ISO 12647-2)

Chứng minh: Mục tiêu màu
in offset

Chưa chứng minh: Chất lượng dán
và đóng gói cuối cùng

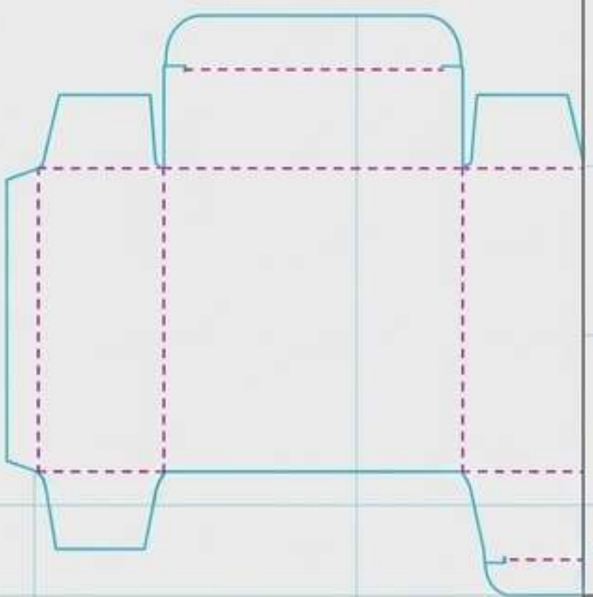

ZIGPAC

Lợi thế kinh tế theo quy mô

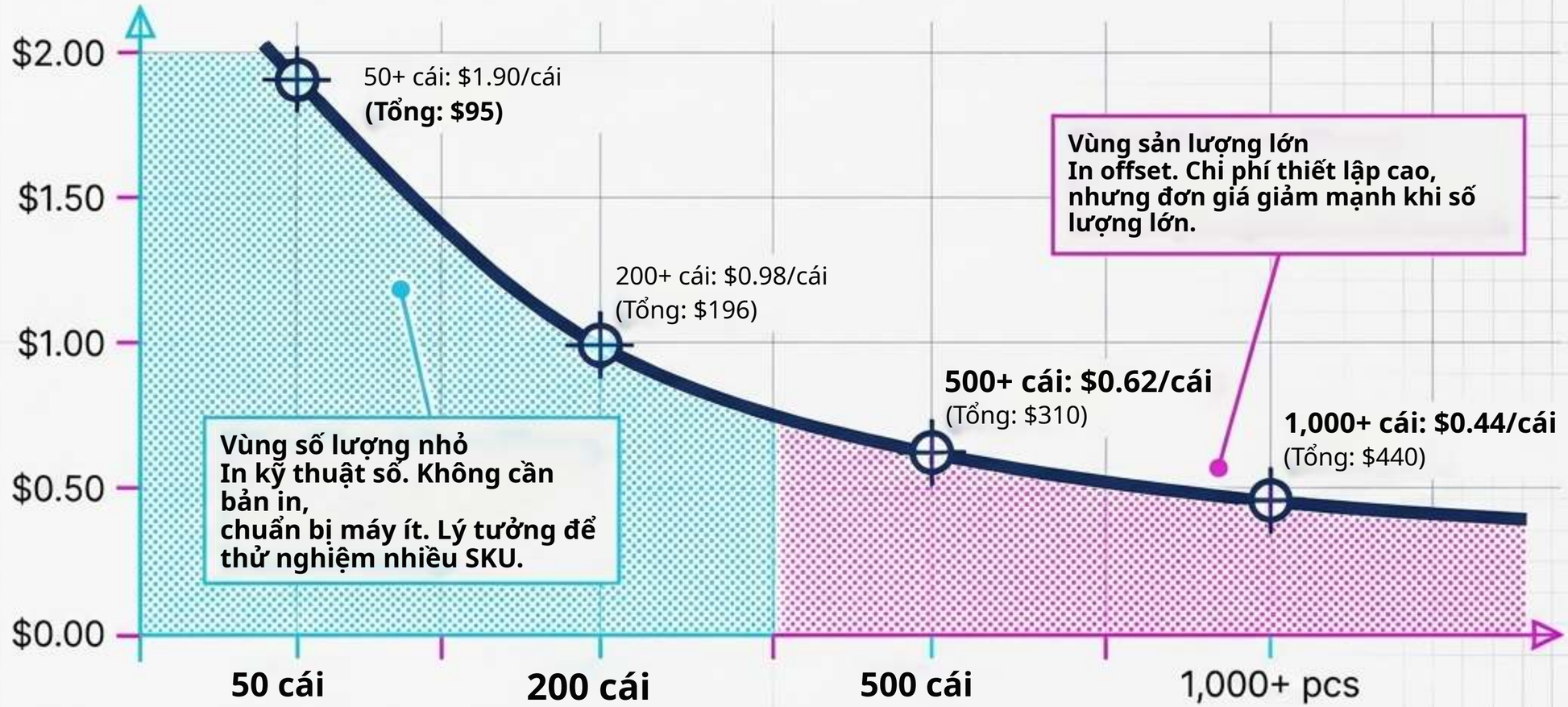

Tăng từ 50 lên 1,000 cái giúp giảm đơn giá 77%, trong khi tổng chi chỉ tăng 4.6 lần.
Luôn yêu cầu báo giá tương ứng ở 3 hoặc 4 mức số lượng giống nhau.

Kính lúp bằng chứng QC

Kích thước
Đo LxWxD so với dung sai khuôn bế đã duyệt. Ngăn hàng bị lỏng/không đóng gói được.

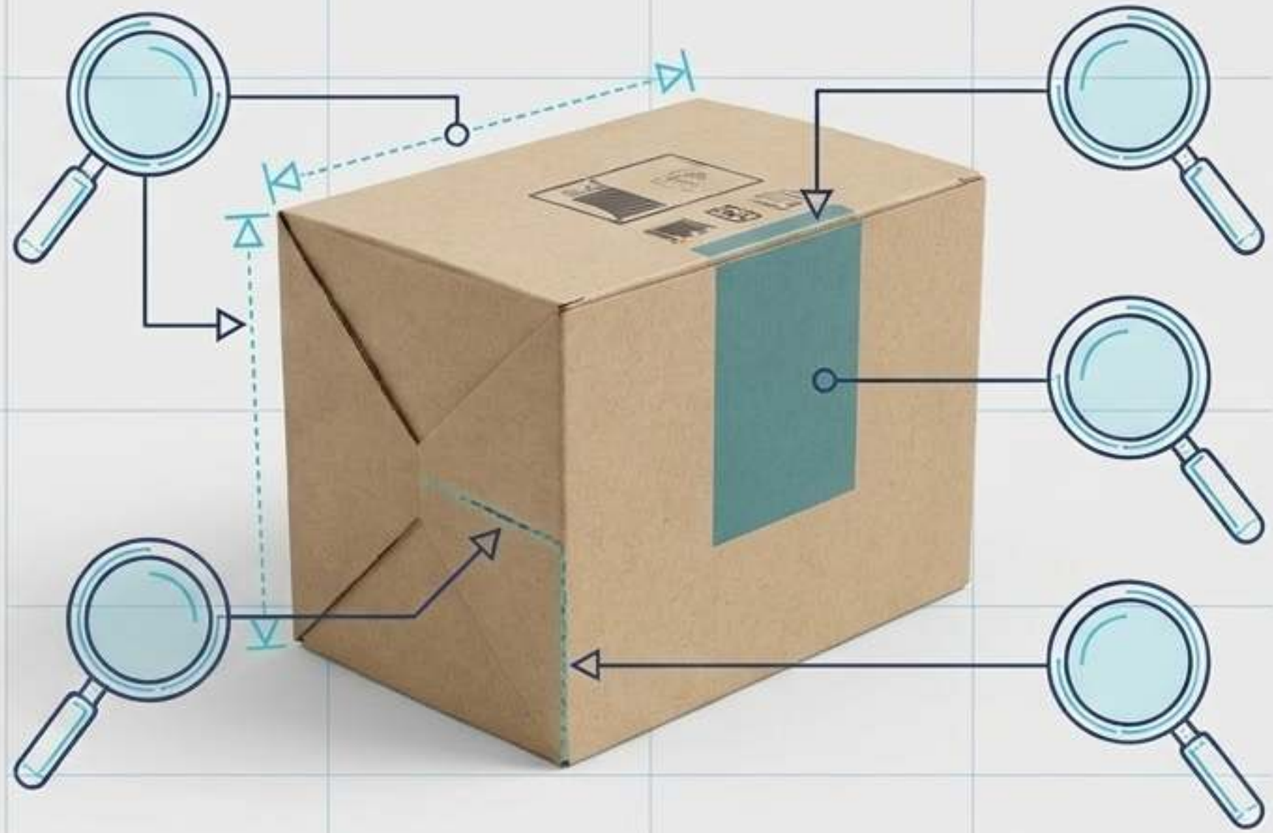

Chồng màu
Kiểm tra độ khớp giữa in và cắt trên mép tờ. Ngăn logo bị lệch.

Màu sắc
So sánh lô sản xuất với mẫu đã duyệt dưới ánh sáng tiêu chuẩn.

Nứt đường cấn
Kiểm tra nếp gấp trên vùng phủ/cán màng. Ngăn bản lề yếu và lộ sợi giấy.

Mối dán keo
Kiểm tra bóc/xé sợi trên đường dán cạnh. Ngăn đáy hộp bật mở.

Tiêu chuẩn cần yêu cầu: Yêu cầu tài liệu lấy mẫu AQL (Acceptance Quality Limit) theo ISO 2859-1 trước khi bắt đầu sản xuất.

SSS SS

ZIGPAC

Thời gian sản xuất so với vận chuyển

Sản xuất
(Nhanh & Dự đoán được)

Vận chuyển
(Chậm & Biến động)

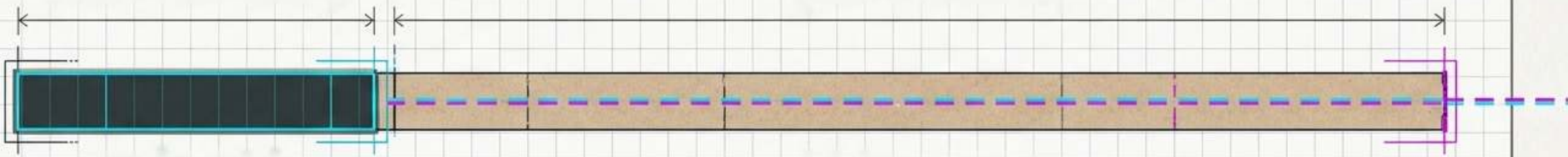

3-10 ngày

Bắt đầu trong vòng 2 giờ sau khi xác nhận thanh toán.

6-12 tuần
Vận chuyển đường biển đến cảng. Đảm bảo thùng carton ngoài được kiểm định theo tiêu chuẩn ASTM D4169.

Kết luận: Đừng bao giờ chấp nhận báo giá "thời gian giao hàng" chung chung mà không xác nhận đó là EXW (chỉ sản xuất), FOB (đến cảng) hay DDP (giao tận nơi).

KS

Phương trình chi phí đến nơi thực tế

(Đơn giá x Số lượng) + Phí duyệt mẫu + Cước vận chuyển + Thuế + Kiểm tra QA = Chi phí đến nơi thực tế

Nhà cung cấp A (Cái bẫy)

Đơn giá $0.35
+ Phí thiết lập ẩn $500
+ Mẫu duyệt $150
+ Cước FOB không bảo hiểm

= Chi phí đến nơi cao + Rủi ro cao

Mức chuẩn Zigpac

Đơn giá $0.44
+ eProof miễn phí
+ Mẫu $30
+ Cước vận chuyển minh bạch

= Chi phí đến nơi thấp hơn + Không rủi ro

Insight: A supplier offering a marginally cheaper unit price often offsets

bù lại bằng phí khuôn bị đội giá, phí mẫu hoặc điều kiện vận chuyển rủi ro.

Cấu trúc của một RFQ tối ưu



Cần hộp nắp gài in,
2 x 2 x 6 inch, 1000 cái



Bảng thông số tối ưu	
Kết cấu:	ECMA A20.20 (Straight Tuck End)
Kích thước:	Bên trong 2x2x6 inch. (Trọng lượng sản phẩm đóng gói: 14 oz).
Vật liệu:	18pt SBS (Solid Bleached Sulfate), phủ một mặt.
In:	CMYK + 1 màu pha Pantone, Cán màng mờ.
Số lượng cần báo giá:	500 / 1,000 / 2,500 pcs.
Yêu cầu	Nhà cung cấp lập khuôn bế dựa trên độ dày giấy. Yêu cầu eProof miễn phí + mẫu in thực tế.
Incoterm	DDP đến Los Angeles, CA.

Ghi chú cuối trang: Gửi thông số chính xác này giúp mọi nhà cung cấp báo giá trên cùng một thực tế.

Bảng điểm so sánh nhà cung cấp tổng hợp

Để trống ô nếu nhà cung cấp né tránh câu hỏi bằng văn bản. Ô trống đồng nghĩa với rủi ro mua hàng.

Tiêu chí đánh giá	Nhà cung cấp A	Nhà cung cấp B	Zigpac (Mức chuẩn)
Có nêu giấy & độ dày?			Có, ghi rõ trên báo giá
Trách nhiệm khuôn bế?			Do Zigpac thực hiện
Các bước duyệt mẫu?			eProof miễn phí, mẫu thực tế $5-$30
Có cung cấp mức số lượng?			Có, các mức từ 50 cái
Tốc độ sản xuất?			Tiêu chuẩn 3-10 ngày
Biện pháp xử lý chất lượng?			Hoàn tiền toàn bộ nếu có lỗi chất lượng, không cần trả hàng

Dấu hiệu cảnh báo từ nhà cung cấp



aaad

Ý nghĩa thực: Nhà cung cấp đang che giấu loại giấy và độ dày thực tế. Bạn không thể xác minh độ bền hay độ chính xác khi in.

Ý nghĩa thực: Vô nghĩa nếu không có mẫu tham chiếu thực tế được duyệt và dung sai được nêu rõ (ISO 12647-2).

Ý nghĩa thực: Phí thiết lập có thể đã được gộp vào số lượng đặt hàng tối thiểu cao, hoặc sẽ xuất hiện sau khi duyệt mẫu.

Ý nghĩa thực: Né tránh sự phân biệt quan trọng giữa thời gian sản xuất và thời gian vận chuyển quốc tế.

Quy trình cuối cùng

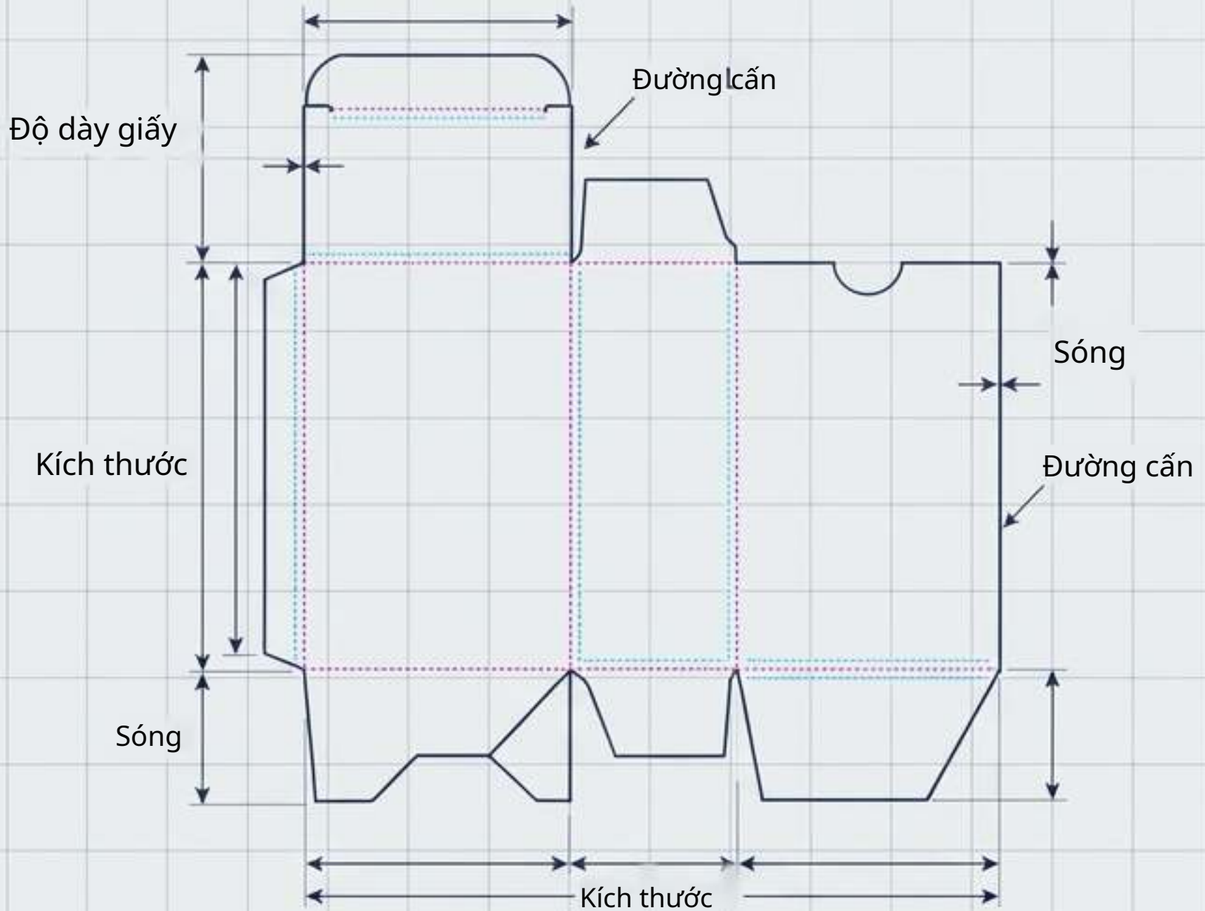

1. Chuẩn hóa yêu cầu
Hai báo giá chỉ so sánh được khi chúng mô tả chính xác cùng loại giấy, khuôn bế và điều kiện giao hàng.

2. Yêu cầu mẫu thực tế
Luôn phê duyệt mẫu kết cấu và mẫu in thực tế
trước khi cho phép sản xuất hàng loạt.

3. Đánh giá chi phí đến nơi
Đơn giá chỉ là một phần nhỏ của rủi ro tài chính cuối cùng.

Việc chọn nhà sản xuất phụ thuộc vào việc buộc họ cam kết chi tiết bằng văn bản. Zigpac xác nhận giấy, MOQ, đơn giá và tiến độ ngay từ đầu - thiết lập tiêu chuẩn minh bạch cho việc tìm nguồn hộp giấy tùy chỉnh.